

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-12-2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Kim Chi và bà Phạm Yến Nhi

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hồng Đình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1984

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (Số điện thoại: 0987 203 457)

Địa chỉ nhận văn bản tố tụng: Số D ngõ A Hồ Đ, N, Đ, thành phố Hà Nội

Địa chỉ sinh sống và làm việc hiện nay: Số I đường M, Quận A, thành phố C, Đài Loan (Trung Quốc)

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nhận văn bản tố tụng, về tài sản và nợ chung: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979. Địa chỉ số A đường Đ, khóm C, phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau đại diện theo giấy ủy quyền ngày 25/4/2024

1.2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ thường trú: số C, tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang

Địa chỉ sinh sống và làm việc hiện nay: Số 1 đường M, Quận A, thành phố C, Đà Loan (Trung Quốc)

Các đương sự đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Đoàn Văn H thể hiện nội dung trình bày:*

Ông Đoàn Văn H và bà Lê Thị T đăng ký kết hôn ngày 24/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, thành phố Hà Nội, việc kết hôn do tự nguyện. Quá trình chung sống hôn nhân không hạnh phúc thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt cuộc sống không hạnh phúc. Nay, ông H yêu cầu tòa xem xét giải quyết:

+ Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị T

+ Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Lê Đoàn Hải Y, sinh năm 2012. Sau khi ly hôn ông H có nguyện vọng giao cháu Y cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về vấn đề cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và về nợ chung: Ông và bà T không có nợ chung nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

+ Về án phí: Ông H xin chịu đóng tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Đồng thời, ông H có yêu cầu được xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân các cấp mở ra, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ông H xin giữ nguyên quan điểm như trong đơn ly hôn và bản tự khai yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn đúng với nguyện vọng

** Bị đơn bà Lê Thị T có bản ý kiến trình bày ngày 13/11/2024, thể hiện nội dung:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Đoàn Văn H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, thành phố Hà Nội được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/5/2017. Quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể sống chung với nhau được. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H không còn hạnh phúc. Bà xét thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông H

- Về con chung: Ông bà có 01 (một) con chung tên Lê Đoàn Hải Y, sinh năm 2012. Sau khi ly hôn bà đồng ý với yêu cầu của ông H, bà sẽ là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Về vấn đề cấp dưỡng cho con, ông bà tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung
- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Đồng thời, bà T có yêu cầu được vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án do bà đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, Trung Quốc việc đi lại rất khó khăn nên bà không thể có mặt để tham gia các buổi làm việc. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án bà T đề nghị Tòa án tổng đạt về địa chỉ nhà ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang gia đình bà T sẽ nhận các văn bản và thông báo lại cho bà T.

*** Tại phiên tòa:**

+ Nguyên đơn ông Đoàn Văn H, bị đơn bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về nhận văn bản tố tụng, về tài sản và nợ chung có đơn xin vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa ông Đoàn Văn H với bà Lê Thị T, về quan hệ con chung cháu Lê Đoàn Hải Y, sinh ngày 15/11/2012 hiện con chung đang được bà T và gia đình nuôi dưỡng ổn định nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự sau khi ly hôn giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và bà T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Đoàn Văn H, bị đơn bà Lê Thị T có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Hà Nội và huyện C, tỉnh An Giang nhưng hiện nay cả hai đương sự đều đang làm việc và cư trú tại thành phố C, Đài Loan (Trung Quốc). Nguyên đơn ông H khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn ông Đoàn Văn H; bị đơn bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn K là người đại diện cho nguyên đơn nhận các văn bản tố tụng, về tài sản chung và về nợ chung đều có yêu cầu được vắng mặt không tham dự phiên tòa. Hội đồng xét

xử nhận thấy yêu cầu của các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 3 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Ông Đoàn Văn H và bà Lê Thị T tự nguyện tiến đến hôn nhân cả hai có đăng ký kết hôn thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 45, cấp ngày 24/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, thành phố Hà Nội, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Nguyên đơn ông H khởi kiện và trình bày nguyên nhân dẫn đến xin ly hôn là do quá trình chung sống hôn nhân không hạnh phúc thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt cuộc sống không hạnh phúc.

[2.1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án nhân tỉnh An Giang tiến hành lập biên bản xác minh ngày 15/8/2024 tại nhà của bà T tại số C, tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang thể hiện nội dung nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông H, bà T do cả hai thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên địa phương không nắm nhưng em ruột của bà T cung cấp thông tin cả hai thường xuyên cự cãi dẫn đến việc cả hai đi xuất khẩu lao động.

[2.1.4] Tại văn bản trình bày ý kiến do bà T gửi bằng đường bưu điện ngày gửi 14/11/2024 cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang nhận ngày 19/11/2024, thể hiện nội dung về quan hệ hôn nhân bà và ông Đoàn Văn H trong quá trình chung sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến không thể sống chung với nhau được. Cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H không còn hạnh phúc, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của ông H

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện ông H, bà T thống nhất ly hôn, hôn nhân giữa ông bà không còn tồn tại trên thực tế, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đoàn Văn H với bà Lê Thị T.

[4] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ông bà chung sống với nhau có 01 (một) con chung tên Lê Đoàn Hải Y, sinh ngày 15/11/2012, hiện cháu Y đang sống cùng với gia đình của bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Y chưa thành niên, đang được bà T cùng gia đình chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của cháu Y đã ổn định. Giữa ông H, bà T thống nhất được việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Y mong muốn sống cùng với mẹ tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chung ngày

15/8/2024 do Tòa án nhân dân tỉnh An Giang lập nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, ông H không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên bà T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông H, bà T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Không có.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn ông H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn H đối với bà Lê Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Văn H được ly hôn đối với bà Lê Thị T

2. Về con chung: Ông Đoàn Văn H và bà Lê Thị T có 01 (một) con chung tên Lê Đoàn Hải Y, sinh ngày 15/11/2012

Sau khi ly hôn giao con chung cháu Lê Đoàn Hải Y, sinh ngày 15/11/2012 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đoàn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T không có yêu cầu.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông H trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

4. Về chi phí tố tụng: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đoàn Văn H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000363 ngày 08/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông H đã nộp đủ tiền án phí.

* Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn văn H và bà Lê Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Cục THADS tỉnh AG;
- UBND xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, Tp.Hà Nội;
- Phòng KTNV &THA;
- Đường sự;
- Lưu Tòa GD & NCTN;
- Lưu VP Tòa án tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Ngọc Thúy